

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2024

V/v "Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông **Nguyễn Văn Trước**

2. Bà **Trần Thị Tuyết Nga**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:*** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Lệ H**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trầm H1**, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Lệ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trầm H1 do mai mối đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có làm giấy khai đăng ký kết hôn ngày 15/12/1989 tại UBND xã P, huyện L nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng 05 năm sau kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do ông H1 thường xuyên uống rượu, có khi không về nhà, không quan tâm vợ con, không phụ việc nhà, khi nhậu về hay chửi bà

không đưa tiền cho bà lo cho gia đình, ông H1 giữ sử dụng một mình. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H1 không thay đổi, còn chửi bà. Từ năm 2021 đến nay bà và ông H1 ở chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau, ngủ riêng, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H1 có quá nhiều khoảng cách, không thể hòa hợp được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trầm H1.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phan Thanh H2, sinh năm 1992 và Nguyễn Phan Cẩm H3, sinh năm 1993 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: có thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.713,7m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long hiện do ông Nguyễn Trầm H1 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu chia đôi thửa đất nêu trên, bà H yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 3.000m² thuộc thửa đất số 49. Ngày 21/5/2024 bà H có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, để tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn Nguyễn Trầm H1 trình bày:*

Ông thống nhất trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung. Vợ chồng sống chung nhà nhưng từ năm 2021 đến nay vợ chồng không có nói chuyện với nhau, mạnh ai nấy sống, ngủ riêng, không ăn cơm chung, ông cũng thường đi nhậu, có khi không về nhà. Nay theo yêu cầu của bà H thì ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn, lý do ông còn thương vợ.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phan Thanh H2, sinh năm 1992 và Nguyễn Phan Cẩm H3, sinh năm 1993 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Bà H trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trầm H1. Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Ông H1 trình bày đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Phan Lệ H khởi kiện về việc xin ly hôn, chia tài sản chung với bị đơn Nguyễn Trầm H1 có địa chỉ tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Lệ H và ông Nguyễn Trầm H1 tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Bà H yêu cầu ly hôn với H1. Tại phiên tòa, ông H1 trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà H. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 thuộc trường hợp pháp luật không công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Lệ H và ông Nguyễn Trầm H1.

- Về con chung: Bà Phan Lệ H và ông Nguyễn Trầm H1 trình bày thời gian chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Phan Thanh H2, sinh năm 1992 và Nguyễn Phan Cẩm H3, sinh năm 1993 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất thửa số 49, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.713,7m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ông H1 không có yêu cầu chia tài sản chung. Xét việc bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

- Về nợ chung: Bà Phan Lệ H và ông Nguyễn Trầm H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Phan Lê H yêu cầu chia tài sản chung là phần đất thửa số 49, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.713,7m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Lê H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Lê H và ông Nguyễn Trầm H1.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phan Thanh H2, sinh năm 1992 và Nguyễn Phan Cẩm H3, sinh năm 1993 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn Phan Lê H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.800.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000991 ngày 29/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên hoàn trả cho bà H 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã Tân Hạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết